

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-8-2025.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cang;

Bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08/5/2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu H, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố V, phường T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1989; cư trú tại: khu phố P, phường B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 14/4/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trình bày: Anh và chị Đặng Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, chị T thường xuyên bỏ nhà đi theo người đàn ông khác; gia đình anh đã hoà giải nhưng không thành; hai người sống ly thân từ khoảng giữa năm 2019 đến nay. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/02/2017; con hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Đặng Thị T vắng mặt nên không có lời khai. Do bị đơn vắng mặt nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn tuân theo đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2015 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với bị đơn chị Đặng Thị T; giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Đặng Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H và bị đơn chị Đặng Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường B, tỉnh Đắk Lắk) là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về nuôi con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/02/2017, con hiện nay đang sống cùng nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với chị Đặng Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/02/2017 cho nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn chị Đặng Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0006042 ngày 06/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 - tỉnh Đắk Lắk).

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 11;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND phường B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa